OMRON

Bộ đo tốc độ quay có sẵn nguồn | H7ER

- Số vòng quay được hiển thị tới 5 chữ số.
- Hiển thị vòng quay đơn vị s^{-1} hoặc min^{-1} phụ thuộc vào độ phân giải của encoder được sử dụng: 1000 s^{-1}/ 1000 min^{-1} hoặc 1000,0 s^{-1} / 1000,0 min^{-1}.
- Chuyển hiển thị vòng quay (các model –NV1); tới 10000 min^{-1}.

Thông tin đặt hàng

Đầu vào đếm	**Màn hiển thị**	**Số vòng quay tối đa được hiển thị (với vòng quay của encoder)**			
		1000 s^{-1} (1 xung/vòng), 1000 min^{-1} (60 xung/vòng)		1000.0 s^{-1} (10 xung/vòng), 1000.0 min^{-1} (600 xung/vòng) <- -> 10000 min^{-1} (60 xung/vòng) (chuyển được)	
		Thân màu ghi sáng	Thân màu đen	Thân màu ghi sáng	Thân màu đen
Đầu vào PNP/NPN điện áp DC	LCD 7 thanh có chiếu sáng nền	H7ER-NV-H	H7ER-NV-BH	H7ER-NV1-H	H7ER-NV1-BH
	LCD 7 thanh	H7ER-NV	H7ER-NV-B	H7ER-NV1	H7ER-NV1-B
Đầu vào không điện áp	LCD 7 thanh	H7ER-N	H7ER-N-B	---	---

Chú ý: *Hãy liên hệ văn phòng đại diện OMRON hoặc đại lý để biết thêm về các Model khác.*

■ Giải thích số model

H7ER-N x x – x x
1 2 3 4

1. Đầu vào đếm
Để trống: Đầu vào không điện áp
V: Đầu vào NPN/PNP điện áp DC tổng quát

2. Số chữ số
Để trống : 4 chữ số
1: 5 chữ số

3. Màu của vỏ
Để trống: Màu ghi sáng
B: Màu đen

4. Màn hiển thị
Để trống: LCD 7 thanh không chiếu nền
H: LCD 7 thanh có chiếu nền

■ Phụ kiện đi kèm (Phải đặt hàng riêng)

Pin Lithium		Y92S-36
Đầu nối dây kéo dài (Một bộ có hai đầu nối)		Y92S-37
Bộ gá trên bề mặt	26 mm x 45 mm	Y92F-75
Adapter	24.8 mm x 48.8 mm	Y92F-77B

Đặc tính kỹ thuật

Mục	H7ER-NV-_	H7ER-N-_	H7ER-NV1-_
Chế độ hoạt động	Đếm tăng		
Cách thức gá	Gá trên bề mặt		
Các kết nối bên ngoài	Các đầu nối bắt vít, các đầu nối dây kéo dài (xem chú ý 3)		
Màn hiển thị	LCD 7 thanh có hoặc không có đèn chiếu nền (chiều cao ký tự: 8,6 mm) (xem chú ý 4)		
Số chữ số	4 chữ số		5 chữ số
Đầu vào đếm	PNP/NPN điện áp DC tổng quát	Đầu vào không điện áp	PNP/NPN điện áp DC tổng quát
Tốc độ đếm tối đa	1 kHz		10 Hz
Số vòng quay tối đa được hiển thị (xem chú ý 5)	1.000 s^{-1} (Khi dùng độ phân giải của encoder là 1 xung/vòng) 1.000 min^{-1} (Khi dùng độ phân giải của encoder là 60 xung/vòng)		1.000,0 s^{-1} (Khi dùng độ phân giải của encoder là 10 xung/vòng) 1.000,0 min^{-1} (Khi dùng độ phân giải của encoder là 600 xung/vòng) <--> 10.000 min^{-1} (Khi dùng độ phân giải của encoder là 60 xung/vòng) (Chuyển được bằng công tắc)
Thiết bị đi kèm	Vỏ chống nước, thanh gá lắp mặt ngoài, Các nhãn dính chỉ đơn vị của vòng quay (xem chú ý 5)		

Chú ý: *1. Không có chức năng đặt về 0*
2. Khi không có đầu vào thì màn hiển thị 0.0 hoặc 0
3. Yêu cầu đặt hàng riêng Y92S-37
4. Chỉ model đầu vào NPN/PNP điện áp DC mới có chiếu sáng nền.
5. Có các nhãn ghi "rpm", "rps", "s^{-1}".

■ Các thông số định mức

Mục	H7ER-NV-_	H7ER-N-_
Điện áp nguồn	Model có chiếu nền: 24 VDC (tối đa 0.3 W) (chỉ dùng cho đèn chiếu nền) Model không có chiếu sáng nền: Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)	Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)
Đầu vào đếm Đầu vào đặt lại	Mức cao (logic) : 4,5 to 30 VDC Mức thấp (logic) : 0 to 2 VDC (Trở kháng đầu vào: xấp xỉ 4,7 kΩ)	Đầu vào không điện ảp Trở kháng đoản mạch tối đa : 10 kΩ. Điện áp dư đoản mạch: tối đa 0,5V Trở kháng mở tối thiểu: 750 kΩ
Tốc độ đếm tối đa	Các model 4 chữ số : 1 kHz Các model 5 chữ số : 10 kHz	1 kHz
Độ rộng tín hiệu nhỏ nhất	10 Hz: 0,05 ms 1 kHz: 0,5 ms	
Mômen xiết vít đầu nối	Tối đa 0,98 N - m	
Nhiệt độ xung quanh	Hoạt động: -10°C đến 55°C (không đóng băng) Cất giữ:-25°C đến 65°C (không đóng băng)	
Độ ẩm xung quanh	Hoạt động: 25% đến 85%	